TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2026/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 28 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 210/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1999.

Nơi thường trú: Xóm B, xã B, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1995.

Nơi thường trú: Xóm B, xã B, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/01/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị H và anh Trần Văn Đ cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Có 01 con chung là Trần Thị Thu V, sinh ngày 16/02/2020. Hai bên đã thống nhất thoả thuận anh Trần Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thị Thu V, sinh ngày 16/02/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do diều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thoả thuận khác phú hợp với quy định của pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp. Hoàn trả chị Trần Thị H 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002784 ngày 10 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Thái Nguyên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã B, tỉnh Thái Nguyên (nơi đương sự đã đăng ký kết hôn);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Duy Chinh

- Về con chung: Các đương sự thống nhất thỏa thuận chị Vũ Thị Thu Hà trực tiếp nuôi con chung là Trịnh Bảo Trâm – sinh 13/10/2016. Anh Trịnh Thế Duy có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung hàng tháng cho chị Hà là 1.000.000đ (một triệu)/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Anh Duy được quyền đi lại thăm nom con chung.

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định.

- Về tài sản chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

- Án phí: Hai bên thoả thuận chị Hà chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. (Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0004188 ngày 08 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.